ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CHU VĂN AN**

**NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 9 - MÔN SINH 8**

( Từ ngày 08/11 đến ngày 13/11 )

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| TIẾT 17. ÔN TẬP BÀI 2 ĐẾN BÀI 14 | |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu, thực hiện các yêu cầu*** | * Nguồn tài liệu: Sách giáo khoa môn sinh học 8. * **Nội dung ghi bài học:**   **HS ÔN TẬP CÁC NỘI DUNG SAU:**  **BÀI 2.**  -Các phần cơ thể người. (Lưu ý khoang ngực, khoang bụng chức các nội quan nào, vị trí cơ hoành)  **BÀI 3.**  -Cấu tạo tế bào. Chức năng các bộ phận trong tế bào.  -Giải thích tế bào là đơn vị cấu tạo và chức năng của cơ thể.  **BÀI 4.**  -Khái niệm mô. Các loại mô. Chức năng các loại mô.  **BÀI 6.**  -Cấu tạo và chức năng nơron , các loại nơron . Cung phản xạ.  **BÀI 7.**  -Các phần của bộ xương. Các khớp xương (Phân biệt các khớp xương dựa vào cấu tạo và khả năng cử động)  **BÀI 8.**  -Cấu tạo của xương dài. (Lưu ý: Xương to ra nhờ phần nào? Xương dài ra nhờ phần nào?)  **BÀI 9.**  -Tính chất của cơ.  **BÀI 10.**  -Ý nghĩa hoạt động co cơ. Nguyên nhân mỏi cơ và biện pháp khắc phục. Rèn luyện cơ.  **BÀI 11.**  -Tiến hóa của bộ xương người so với xương thú. Biện pháp giúp cơ xương phát triển cân đối, làm việc lâu mỏi, chống cong vẹo cột sống.  **BÀI 13.**  -Các thành phần cấu tạo của máu. Chức năng của huyết tương và hồng cầu.  -Tính lượng máu của 1 người dựa vào cân nặng của người đó. (Phần “Em có biết”- trang 44 Sách giáo khoa)  **BÀI 14.**  -Các hoạt động bảo vệ cơ thể của bạch cầu.  -Khái niệm miễn dịch. Các loại miễn dịch nhân tạo (Ví dụ), miễn dịch tự nhiên.(Ví dụ)  🖎  **HS chỉ ghi câu hỏi và đáp án, học thuộc.**  **Câu 1: Cơ thể người chia thành các phần chính nào?**   1. Đầu. 2. Thân. 3. Chi (Tay, chân) 4. Cả 3 câu đều đúng.   **Câu 2. Ở cơ thể người, cơ quan nào nằm trong khoang ngực?**   1. Bóng đái 2. Phổi 3. Thận 4. Ruột   **Câu 3. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành 3 loại : nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm?**  A. Hình thái  B. Tuổi thọ  C. Chức năng  D. Cấu tạo  **Câu 4: Tính chất của cơ là gì?**  **A.** Co cơ.  **B.** Giãn cơ.  C. Cả 2 câu đều đúng.  D. Cả 2 câu đều sai.  **Câu 5: Trong cơ tích tụ nhiều axit lactic sẽ dẫn tới hiện tượng gì?**  **A.** Rối loạn tiền đình  **B.** Đau răng  **C.** Ngộ độc thực phẩm  **D.**. Gây mỏi cơ  **Câu 6: Cho biết xương to ra do đâu?**   1. Do sự phân chia các tế bào ở lớp sụn tăng trưởng. 2. Nhờ sự phân chia của các tế bào ở màng xương. 3. Cả 2 câu đều đúng. 4. Cả 2 câu đều sai.   **Câu 7: Cho biết xương dài ra do đâu?**  **A**. Do sự phân chia các tế bào ở lớp sụn tăng trưởng.  **B**. Nhờ sự phân chia của các tế bào ở màng xương.  **C**. Cả 2 câu đều đúng.  **D**. Cả 2 câu đều sai.  **Câu 8. Trong tế bào, ti thể có vai trò gì?**  A. Thu nhận, hoàn thiện và phân phối các sản phẩm chuyển hóa vật chất đi khắp cơ thể  B. Tham gia vào hoạt động hô hấp, giúp sản sinh năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động sống của tế bào  C. Tổng hợp prôtêin  D. Tham gia vào quá trình phân bào  **Câu 9. Cơ quan nào trong tế bào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào?**  A. Bộ máy Gôngi  B. Lục lạp  C. Nhân  D. Trung thể  **Câu 10. Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng?**  A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể  B. Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng  C. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau  D. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau, cùng thực hiện 1 nhiệm vụ.  **Câu 11. Bao hoạt dịch có ở loại khớp nào dưới đây?**  A. Tất cả các câu đều đúng  B. Khớp bất động  C. Khớp bán động  D. Khớp động  **Câu 12. Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động?**  A. Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân  B. Khớp giữa các xương hộp sọ  C. Khớp giữa các đốt sống  D. Khớp giữa các đốt ngón tay  **Câu 13. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở xương người?**  A. Xương lồng ngực phát triển theo chiều lưng – bụng  B. Xương lồng ngực phát triển theo chiều hai bên  C. Xương cột sống hình vòm  D. Xương chậu hẹp  **Câu 14: Các tế bào máu bao gồm:**   1. Hồng cầu và tiểu cầu 2. Huyết tương và các tế bào máu 3. Bạch cầu và hồng cầu 4. Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu   **Câu 15: Thành phần chính của máu:**   1. Huyết tương. 2. Các tế bào máu. 3. Cả 2 câu đều sai. 4. Cả 2 câu đều đúng.   **Câu 16: Thành phần chiếm 45% thể tích của máu là:**   1. Huyết tương 2. Các tế bào máu 3. Hồng cầu 4. Bạch cầu   **Câu 17: Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi?**  A. N2       B. CO2 C. O2       D. CO  **Câu 18: Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ thẫm?**  A. N2       B. CO2 C. O2       D. CO  **Câu 19: Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào?**   1. Hêmôerythrin 2. Hêmôxianin 3. Hêmôglôbin 4. Miôglôbin   **Câu 20: Chúng ta sẽ bị mất nhiều nước trong trường hợp nào sau đây?**   1. Tiêu chảy 2. Lao động nặng 3. Sốt cao 4. Tất cả các câu đều đúng   **Câu 21. Trong hoạt động miễn dịch của cơ thể người, cặp nhân tố nào dưới đây hoạt động theo cơ chế chìa khoá và ổ khoá?**   1. Kháng nguyên – kháng thể 2. Kháng nguyên – kháng sinh 3. Kháng sinh – kháng thể 4. Vi khuẩn – prôtêin độc   **Câu 22. Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là:**  A. Chất kháng sinh.  B. Kháng thể.  C. Kháng nguyên.  D. Prôtêin độc.  **Câu 23. Con người không có khả năng mắc phải căn bệnh nào dưới đây?**  A. Toi gà  B. Cúm gia cầm  C. Dịch hạch  D. Tất cả các câu đều đúng  **Câu 24: Sau khi nhiễm bệnh thủy đậu hoặc quai bị 1 lần , người đó không mắc bệnh các bệnh đó nữa là do:**  **A.** Miễn dịch tự nhiên,  **B.** Miễn dịch nhân tạo  **C.** Miễn dịch bẩm sinh  D.Tất cả các câu đều đúng  **Câu 25: Ở người, nam có 80ml máu/kg cơ thể - nữ có 70ml máu/kg cơ thể. Tính lượng máu có trong cơ thể 1 bạn nữ nặng 40kg.**  A. 3,5 lít.  B. 1800 ml (1,8 lít).  C. 2800 ml (2,8 lít).  D. 4,5 lít. |
| **Hoạt động 2**:***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | HS tự kiểm tra lại kiến thức ôn tập bằng các câu hỏi trên. |

1. **Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:.........................................................................

Lớp:..............................................................................

Họ tên học sinh:............................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| **SINH HỌC 8** | TIẾT 17 . ÔN TẬP TỪ BÀI 2 ĐẾN BÀI 14 |  |